

*Hưng Yên, ngày 10 tháng 06 năm 2020*

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

<b>Tên ngành, nghề</b>	: <b>Tiếng Anh</b>
<b>Mã ngành, nghề</b>	: 5220206
<b>Trình độ đào tạo</b>	: Trung cấp
<b>Hình thức đào tạo</b>	: Chính quy
<b>Đối tượng tuyển sinh</b>	: Tốt nghiệp THCS hoặc tương đương trở lên
<b>Thời gian đào tạo</b>	: 02 năm

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo hệ Trung cấp ngành ngôn ngữ Anh đặt mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức, đạo đức, tác phong chuyên nghiệp, có năng lực tiếng Anh đạt chuẩn quốc tế và sử dụng tiếng Anh tốt tại các doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu xã hội, tích hợp các kỹ năng ngôn ngữ như nghe, nói, đọc viết theo định hướng tiếng Anh tổng hợp dựa trên chương trình đào tạo ở trình độ năng lực tiếng Anh tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam và có khả năng học liên thông lên bậc Đại học.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1. Về kiến thức

- Trình bày được các quy định cơ bản, cần thiết về tính đặc thù của ngành, nghề khi làm việc với đối tác là người nước ngoài, đảm bảo không gây ảnh hưởng phương hại đến bí mật, lợi ích và an ninh quốc gia;
- Trình bày được kiến thức ngôn ngữ về ngữ pháp, phát âm, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh được sử dụng phổ biến trong giao tiếp hằng ngày;
- Trình bày được kiến thức ngôn ngữ về ngữ pháp, phát âm, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh chuyên ngành được sử dụng trong các lĩnh vực nghề nghiệp văn phòng, học vụ, biên dịch của ngành Tiếng Anh;

- Xác định và nhận biết được các lĩnh vực nghề nghiệp của ngành Tiếng Anh ở vị trí công việc văn phòng, học vụ, biên dịch và các tình huống sử dụng ngoại ngữ trong các lĩnh vực nghề nghiệp của ngành Tiếng Anh;
- Xác định và trình bày được kiến thức nghề nghiệp, các quy trình thực hiện công việc, các quy tắc xử lý công việc trong các lĩnh vực nghề nghiệp của ngành Tiếng Anh;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

### **1.2.2. Về kỹ năng**

- Sắp xếp được một số buổi gặp gỡ, tọa đàm theo yêu cầu của đối tác hai bên;
- Vận dụng các kiến thức ngôn ngữ về ngữ pháp, phát âm, từ vựng, cấu trúc Tiếng Anh vào các lĩnh vực nghề nghiệp liên quan tới công việc hành chính - văn phòng, học vụ, biên dịch để thực hiện các nhiệm vụ công việc;
- Ghi nhận, xác định được các ý chính, và chuyển tiếp được thông tin đơn giản rõ ràng bằng giọng nói chuẩn trong các bài nói, cuộc đối thoại, thảo luận đơn giản;
- Giao tiếp, trao đổi thông tin, trình bày ý kiến về các vấn đề hàng ngày trong các tình huống trong kinh doanh, trong tư vấn và chăm sóc khách hàng;
- Đọc hiểu, phân loại, và sắp xếp các tài liệu tiếng Anh có nội dung trao đổi thông tin thông thường hoặc tài liệu tiếng Anh trong lĩnh vực thương mại;
- Soạn thảo được thư từ, email bằng tiếng Anh;
- Viết được biên bản cho các buổi họp có sử dụng tiếng Anh;
- Hỗ trợ dịch các hợp đồng thương mại cơ bản, tài liệu kinh doanh, thư tín thương mại cơ bản bằng tiếng Anh;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được tiếng Anh, đạt bậc 3/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

### **1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Chấp hành tốt các quy định pháp luật, chính sách của Nhà nước, không gây ảnh hưởng phương hại đến bí mật, lợi ích và an ninh quốc gia;
- Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;
- Có khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; có khả năng giải quyết công việc, một số vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Ý thức học tập suốt đời, luôn tìm tòi, học hỏi để trau dồi, bổ sung kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn;

- Tận dụng mọi cơ hội nâng cao khả năng sử dụng tiếng Anh để giao tiếp, trao đổi và xử lý công việc hiệu quả;
- Chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và một phần của nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

### **1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Hành chính văn phòng có sử dụng tiếng Anh;
- Học vụ trong cơ sở đào tạo tiếng Anh;
- Biên dịch.

### **1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ**

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Tiếng Anh, trình độ trung cấp có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;
- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo./.

## **2. Khối lượng kiến thức và thời gian đào tạo**

- Số lượng môn học, mô đun	: 24 môn học, mô đun
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học	: 70 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương	: 225 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn	: 1215 giờ
- Khối lượng lý thuyết	: 353 giờ
- Thực hành, thực tập, thí nghiệm	: 1508 giờ
- Kiểm tra	: 74 giờ

### 3. Nội dung chương trình:

Mã MH/MĐ/HP	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>12</b>	<b>225</b>	<b>94</b>	<b>117</b>	<b>14</b>
MH01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH03	Giáo dục thể chất	2	30	4	24	2
MH04	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	45	21	21	3
MH05	Tin học	2	45	15	29	1
MH06	Ngoại ngữ ( Tiếng Trung )	3	60	30	25	5
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>48</b>	<b>1215</b>	<b>259</b>	<b>908</b>	<b>48</b>
<b>II.1</b>	<b>Học phần bắt buộc</b>	<b>12</b>	<b>285</b>	<b>75</b>	<b>198</b>	<b>12</b>
MĐ07	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	45	15	28	2
MĐ08	Tiếng Việt thực hành	2	45	15	28	2
MĐ09	Dẫn luận NN	2	45	15	28	2
MĐ10	Tiếng Anh cơ sở	6	150	30	114	6
<b>II.2</b>	<b>Khối kiến thức ngành</b>	<b>33</b>	<b>855</b>	<b>169</b>	<b>653</b>	<b>33</b>
MĐ11	Nghe 1	3	75	15	57	3
MĐ12	Nói 1	3	75	15	57	3
MĐ13	Đọc 1	3	75	15	57	3
MĐ14	Viết 1	3	75	15	57	3
MĐ15	Nghe 2	3	75	15	57	3
MĐ16	Nói 2	3	75	15	57	3
MĐ17	Đọc 2	3	75	15	57	3
MĐ18	Viết 2	3	75	15	57	3

MĐ19	Dịch viết	3	75	15	57	3
MĐ20	Ngữ âm thực hành	3	90	15	72	3
MĐ21	Ngữ pháp thực hành	3	90	19	68	3
<b>II.3</b>	<b><i>Học phần tự chọn (3/9)</i></b>	<b>3</b>	<b>75</b>	<b>15</b>	<b>57</b>	<b>3</b>
TC01	Tiếng anh thương mại	3	75	15	57	3
TC02	Tiếng anh du lịch	3	75	15	57	3
TC03	Văn hóa và xã hội	3	75	15	57	3
<b>2.3</b>	<b>Thực tập tốt nghiệp</b>	<b>5</b>	<b>345</b>		<b>335</b>	<b>10</b>
<b>2.4</b>	<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>5</b>	<b>150</b>		<b>148</b>	<b>2</b>
MĐ23	Văn bản thư tín Tiếng anh	2	60		59	1
MĐ24	Kỹ năng phỏng vấn xin việc	3	90		89	1
<b>Tổng cộng</b>		<b>70</b>	<b>1935</b>	<b>353</b>	<b>1508</b>	<b>74</b>

#### 4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

##### 4.1. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Giảng dạy lý thuyết: Thực hiện tại các khu giảng đường sắp xếp kế hoạch dựa trên nguyên tắc đảm bảo tính logics và tính hệ thống của chương trình đào tạo. Một năm học có 2 học kỳ chính, mỗi học kỳ có 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Sau học kỳ chính thứ 2 là học kỳ phụ để tạo điều kiện cho người học được học lại, học bù. Học kỳ phụ có 5 tuần thực học và 1 tuần thi.

- Khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi người học phải đăng ký trong mỗi học kỳ là 25 tín chỉ trong đó có cả các mô-đun cốt lõi cho mỗi học kỳ.

- Giờ quy đổi được tính như sau: Một tín chỉ được quy định bằng một trong các cách sau:

- + 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn
- + 30 giờ thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận và 15 giờ tự học
- + 45 giờ thực tập tại trang trại, cơ sở thực tập, làm tiểu luận, bài tập, khóa luận tốt nghiệp

- Đối với những mô đun lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, thảo luận ngoài số tiết học trên lớp người học còn vẫn được giao thêm công việc để đảm bảo sao cho mỗi tín chỉ tương ứng với ít nhất 45 tiết/giờ làm việc.

- Giảng dạy thực hành, thí nghiệm: Thực hiện tại các phòng thực hành của nhà Trường, người học phải tham gia đầy đủ số giờ quy định cho phần thực hành, khi hoàn thành đầy đủ các bài thực hành theo quy định thì đủ điều kiện xét dự thi kết thúc Môn học.

## **4.2. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra, thi hết môn học, môn học**

### **4.1.1. Kiểm tra (trọng số 40%):**

- Kiểm tra thường xuyên do người dạy giảng dạy môn học, thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học theo từng môn học, môn-học thông qua việc kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác theo qui định của Trường;

- Kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình môn học; kiểm tra định kỳ có thể bằng hình thức kiểm tra viết từ 45 đến 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác;

- Quy trình kiểm tra, số bài kiểm tra cho từng môn học, môn-học cụ thể được thực hiện theo quy định của hiệu trưởng, bảo đảm trong một môn học có ít nhất một điểm kiểm tra thường xuyên, một điểm kiểm tra định kỳ.

### **4.1.2. Thi hết môn học, môn học (trọng số 60%):**

#### **a) Điều kiện dự thi kết thúc môn học**

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học được quy định trong chương trình môn học;

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;

#### **b) Tổ chức thi kết thúc môn học**

- Cuối mỗi học kỳ, Hiệu trưởng tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc môn học; kỳ thi phụ được tổ chức cho người học chưa dự thi kết thúc môn học; ngoài ra, Trường có thể tổ chức thi kết thúc môn học vào thời điểm khác cho người học đủ điều kiện dự thi;

- Hình thức thi kết thúc môn học có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên;

- Thời gian làm bài thi kết thúc môn học đối với mỗi bài thi viết từ 60 đến 120 phút;

- Thời gian dành cho ôn thi mỗi môn học tỷ lệ thuận với số giờ của môn học đó và bảo đảm ít nhất là 1/2 ngày ôn thi cho 15 giờ học lý thuyết trên lớp, 30 giờ học thực hành, thực tập; tất cả các môn học được bố trí người dạy hướng dẫn ôn thi, đề cương ôn thi được

công bố cho người học ngay khi bắt đầu tổ chức ôn thi;

## **5. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:**

### **Điều kiện để được xét và công nhận tốt nghiệp**

- a) Tích lũy đủ số mô-đun hoặc tín chỉ quy định cho chương trình;
- b) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 10 đạt từ 5,00 trở lên theo thang điểm 10.
- c) Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm môn học, mô đun thuộc ngành, nghề đào tạo và các điều kiện khác do hiệu trưởng quy định;
- d) Hoàn thành chương trình Ngoại ngữ thứ 2 hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- e) Chuẩn đầu ra Tin học: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao (theo quy định tại thông tư 03/2014/TT-BTTTT).
- f) Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo qui định hiện hành;
- g) Có đơn gửi nhà trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.